

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1597/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1160/QĐ-BGDĐT ngày 21/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

*Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1444/TTr-SGDĐT ngày 10/6/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh

vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh (*Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ danh mục thủ tục hành chính đã được công bố, cung cấp nội dung thủ tục hành chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xây dựng đề phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ các TTHC: số 8, 9, 10, 11 phần V, số 1, 3 phần VII, mục A; số 5, 6, 7, 8 phần VI, mục B tại Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Q. CHỦ TỊCH**

(*Đã ký*)

**Cao Tường Huy**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1597/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| TT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí | Cơ sở pháp lý   | Hình thức thực hiện qua DV BCCI |             | Cung cấp DVC cấp DVCC cấp TT toàn trình, một phần |
|----|---|-------------------------------------|--|-------------|---|---------------------------------|-------------|---|
|    |   |                                     |  |             |   | Nhận hồ sơ                      | Trả kết quả |   |
| A  | <b>TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>                          |                                     |  |             |   |                                 |             |   |
| I  | <b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (04 TTHC)</b>              |                                     |  |             |   |                                 |             |   |
| 1  | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh     | 6 ngày làm việc                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</li> <li>- Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> </ul> | Có                              | Có          | Toàn trình  |
| 2  | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số | 6 ngày làm việc                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</li> <li>- Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> </ul> | Có                              | Có          | Toàn trình  |

| TT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  | Hình thức thực hiện qua DV BCCI |             | Cung cấp DV cấp DV/C cấp TT toàn trình, một phần |
|----|---|---------------------------------------|---|-------------|---|---------------------------------|-------------|--|
|    |   |                                       |   |             |   | Nhận hồ sơ                      | Trả kết quả |  |
| 3  | Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người   | Bên dưới TTHC                         | Sở Giáo dục và Đào tạo;<br>Cơ sở giáo dục   | Không       | - Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công  | Có                              | Có          | Một phần   |
| 4  | Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học | Không quy định cụ thể (Bên dưới TTHC) | Cơ sở giáo dục;<br>Sở Giáo dục và Đào tạo;<br>Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Không       | - Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục.<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | Có                              | Có          | Một phần   |

Đối với học sinh học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là **08** ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn.  
Đối với học sinh học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là **32** ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.

| TT  | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  | Hình thức thực hiện qua DV BCCI |             | Cung cấp DV/Cấp TT toàn trình, một phần |
|---|---|---|--|-------------|---|---------------------------------|-------------|---|
|   |   |   |  |             |   | Nhận hồ sơ                      | Trả kết quả |   |
| <p>Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí; hỗ trợ đóng học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên và 10 tháng/năm học đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và thực hiện chi trả cho người học 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.</p> <p>Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.</p> <p>Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ), học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học chưa nhận được tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.</p> |   |   |  |             |   |                                 |             |   |
| <b>II Lĩnh vực thi, tuyển sinh (02 TTHC)</b>  |   |   |  |             |   |                                 |             |   |
| <b>1</b>  | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú | Không quy định  | Cơ sở Giáo dục; Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo. | Không       | - Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.<br>- Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  | Có                              | Có          | Một phần                                |
| <b>2</b>  | Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông       | Theo hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Cơ sở giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo                             | Không       | - Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Có                              | Có          | Một phần                                |

| TT       | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm thực hiện              | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  | Hình thức thực hiện qua DV BCCI |             | Cung cấp DV cấp DV/C cấp TT toàn trình, một phần |
|----------|--|-------------------------------------|---------------------------------|-------------|---|---------------------------------|-------------|--|
|          |  |                                     |                                 |             |   | Nhận hồ sơ                      | Trả kết quả |  |
|          |  |                                     |                                 |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>Quyết định số 1160/QĐ-BGDĐT ngày 21/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> </ul>                         |                                 |             |  |
| <b>B</b> | <b>TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (04 TTHC)</b>   |                                     |                                 |             |   |                                 |             |  |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (04 TTHC)</b>   |                                     |                                 |             |   |                                 |             |  |
| <b>1</b> | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn | 6 ngày làm việc                     | Trung tâm hành chính công huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.</li> <li>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công</li> </ul> | Có                              | Có          | Toàn trình                                       |

| TT  | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   | Hình thức thực hiện qua DV BCCI |             | Cung cấp DVC cấp TT toàn trình, một phần |
|---|---|-------------------------------------|--|-------------|--|---------------------------------|-------------|--|
|   |   |                                     |  |             |  | Nhận hồ sơ                      | Trả kết quả |  |
| 2   | Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người | Bên dưới TTHC                       | Cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, phòng lao động - thương binh và xã hội. | Không       | - Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công | Có                              | Có          | Một phần                                 |
| <p>Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là <b>08</b> ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn.<br/>                     Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là <b>32</b> ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.</p> |   |                                     |  |             |  |                                 |             |  |
| 3   | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo  | 8 ngày làm việc                     | Trung tâm hành chính công huyện  | Không       | - Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.<br>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công   | Có                              | Có          | Toàn trình                               |

| TT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết (ngày làm việc) | Địa điểm thực hiện              | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   | Hình thức thực hiện qua DV BCCI |             | Cung cấp DVC cấp TT toàn trình, một phần |
|----|---|-------------------------------------|---------------------------------|-------------|--|---------------------------------|-------------|--|
|    |   |                                     |                                 |             |  | Nhận hồ sơ                      | Trả kết quả |  |
| 4  | Trợ cấp đối với trẻ em mồ non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp | 8 ngày làm việc                     | Trung tâm hành chính công huyện | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công</li> <li>- Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo</li> </ul> | Có                              | Có          | Toàn trình                               |



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1638/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1160/QĐ-BGDĐT ngày 21/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1444/TTr-SGDĐT ngày 10/6/2023.*